

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-PT
Ngày 23 tháng 02 năm 2018.

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung.

Các Thẩm phán:

- Ông Nguyễn Anh;

- Bà Lê Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Ông Bùi Hồng Nam
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 1954 và bà **Lý Thị Thanh V** - Sinh năm 1956; cùng địa chỉ nơi cư trú: Tổ 3, thôn Đ, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Bà **Lý Thị Thanh V** ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền ngày 29 tháng 01 năm 2018).

Ông H có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm 1947; địa chỉ nơi cư trú: Số nhà 27/1 đường Y, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Văn H (đồng thời cũng là người đại diện cho bà Lý Thị Thanh V) trình bày:

Ngày 20 tháng 9 năm 2013, vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Lý Thị Thanh V có vay của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn huyện K 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, ông H và bà V được thế chấp cho ngân hàng hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 275352 ngày 30 tháng 12 năm 2005 và số Y557383 ngày 25 tháng 6 năm 2004 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Khánh Hòa cấp cho bà Nguyễn Thị H.

Ngày 22 tháng 9 năm 2013, bà H vay lại của ông H và bà V toàn bộ số tiền trên, với thỏa thuận: Khi đến thời điểm ông H và bà V trả gốc và lãi cho Ngân hàng, bà H phải trả cho ông H và bà V số tiền gốc 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất mà ông H và bà V phải trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên, Khi đến hạn bà H đã không thực hiện đúng cam kết.

Ngày 19 tháng 9 năm 2014 vợ chồng ông H đã trả cho Ngân hàng 48.798.750 đồng (bốn mươi tám triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng), bao gồm: 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) tiền gốc, 3.798.750 đồng (ba triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền lãi và đã nhận lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ngân hàng khi vay tiền.

Ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Lý Thị Thanh V các khoản tiền cụ thể như sau:

- Tiền gốc và lãi trong hạn: 48.798.750 đồng (bốn mươi tám triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng);

- Tiền lãi chậm trả tính trên nợ gốc, kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2014 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng.

Tại lời khai ngày 12 tháng 4 năm 2017, bị đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Việc bà vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Lý Thị Thanh V đúng như vợ chồng ông H, bà V đã khai. Do hoàn cảnh gia đình bà có khó khăn, nên chưa trả nợ cho ông H, bà V.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chấp nhận cho bà H được trả số tiền gốc và lãi trong hạn 48.798.750 đồng làm nhiều lần, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông H và bà V về khoản tiền lãi chậm trả.

- Đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; xét xử vắng mặt bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/ DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

- Căn cứ vào các Điều 471; Điều 474 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Lý Thị Thanh V 59.936.250 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng), bao gồm: 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) tiền gốc, 3.798.750 đồng (ba triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền lãi trong hạn và 11.137.500 đồng (mười một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền lãi chậm trả.

- Ông Nguyễn Văn H, bà Lý Thị Thanh V phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y557383 (số vào sổ 00431 QSDĐ/SC-KV) ngày 25 tháng 6 năm 2004 và số AB275352 (số vào sổ H 00483) ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Khánh Hòa cấp cho bà Nguyễn Thị H.

- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ phải thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, bà Nguyễn Thị H kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu của ông H và bà V về khoản tiền lãi chậm trả là 11.137.500 đồng (mười một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nêu quan điểm:

+ Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định, nên nội dung kháng cáo của bà H được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Đối với khoản tiền gốc và lãi trong hạn:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H trả 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) tiền gốc, 3.798.750 đồng (ba triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm

năm mươi đồng) tiền lãi trong hạn là đúng pháp luật, các bên đương sự cũng không kháng cáo về vấn đề này, nên giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi chậm trả:

Theo thỏa thuận giữa ông H, bà V và bà H, thời điểm bà H phải trả nợ cho ông H, bà V là lúc ông H, bà V trả nợ cho ngân hàng là ngày 20 tháng 9 năm 2014. Tuy nhiên, khi đến hạn và cho đến nay bà H vẫn chưa thanh toán nợ cho ông H, bà V là đã vi phạm về thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Tại Khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005, là văn bản Luật có hiệu lực tại thời điểm hai bên giao kết và thực hiện hợp đồng quy định: "Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải trả cho ông H và bà V khoản tiền lãi quá hạn 11.137.500 đồng (mười một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) là đúng pháp luật.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Hằng là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Do đó, cấp phúc thẩm miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Hằng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 305; 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 2 của Luật người cao tuổi;

Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Lý Thị Thanh V 59.936.250 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng), bao gồm: 45.000.000 đồng tiền gốc, 3.798.750 đồng tiền lãi trong hạn và 11.137.500 đồng tiền lãi chậm trả.

- Quy định:

+ Bên có nghĩa vụ trả tiền mà chậm thực hiện nghĩa vụ thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

+ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Ông Nguyễn Văn H và bà Lý Thị Thanh V phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y557383 (số vào sổ 00431 QSDĐ/SC-KV) ngày 25 tháng 6 năm 2004 và số AB275352 (số vào sổ H 00483) ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Khánh Hòa cấp cho bà Nguyễn Thị H.

3. Về án phí:

- Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Hằng.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H 1.220.000 đồng (một triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0006232 ngày 17 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007218 ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23 tháng 02 năm 2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thành phố N;
- Chi cục THA dân sự thành phố N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung